

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32/2017/DS- ST**
Ngày 10 tháng 8 năm 2017
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Mỹ Huê**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Phan Văn Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện AMh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đông Hải**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2016/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2016 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Nh**, sinh năm 1975 (*có mặt*);

Cư trú: ấp Minh Cơ, xã Vân Khánh Đông, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. *Đồng bị đơn:* - Bà **Tô Kim M**, sinh năm 1974 (*vắng mặt*);

- Ông **Lương Văn H**, sinh năm 1972 (*vắng mặt*);

Cùng cư trú: ấp Minh Giồng, xã Vân Khánh Đông, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2017, nguyên đơn bà Phạm Thị Nh trình bày và yêu cầu như sau:**

Vào năm 2012, bà Tô Kim M, ông Lương Văn H làm chủ hụi, bà có tham gia góp 03 phần hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 15/01/2012 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 28 phần bà tham gia 01 phần, mỗi tháng mở hụi một lần, bà góp hụi sống 25 lần thì bà M tuyên bố úp hụi, theo như được lĩnh với số tiền 25.000.000 đồng, bà M giao cho bà nhận số tiền là 21.000.000 đồng, bà M còn nợ lại 4.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 25/5/2012 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 33 phần, bà tham gia 01 phần, mỗi tháng mở hội một lần, bà góp hội sống 20 lần thì bà M tuyên bố úp hội, theo như được lĩnh với số tiền 20.000.000 đồng, bà M giao cho bà nhận số tiền 17.000.000 đồng, bà M còn nợ lại 3.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 25/5/2012 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, gồm có 34 phần, bà tham gia 01 phần, mỗi tháng mở hội một lần, bà góp hội sống 20 lần thì bà M tuyên bố úp hội, bà M giao cho bà nhận số tiền 45.000.000 đồng, bà M còn nợ lại 15.000.000 đồng.

Tổng 03 phần hội nói trên bà M, ông H còn nợ bà 22.000.000 đồng hẹn lần lượt không trả, sau đó thách thức kêu bà đi thưa. Nay bà yêu cầu bà Tô Kim M, ông Lương Văn H phải trả cho bà số tiền hội còn nợ là 22.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2017, bị đơn bà Tô Kim M trình bày:**

Bà xác định hiện nay bà còn nợ tiền hội của bà Nh 22.000.000 đồng, nhưng chưa trừ tiền hoa hồng (*tiền cò*) 03 dây hội 2.500.000 đồng, cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 15/01/2012 âm, loại hội áp 1.000.000 đồng, gồm có 28 phần, bà Nh tham gia góp 01 phần đóng số tiền vốn góp vào là 11.450.000 đồng, dây hội này đã mãn, số tiền bà Nh được lĩnh 25.000.000 đồng, bà giao cho bà Nh nhận 21.000.000 đồng, bà còn nợ bà Nh 4.000.000 đồng;

- Dây hội ngày 25/5/2012 âm, loại hội 1.000.000 đồng, có 33 phần, bà Nh tham gia góp 01 phần, tiền vốn là 16.070.000 đồng, dây hội này đã mãn, số tiền bà Nh được lĩnh là 20.000.000 đồng, bà đã giao cho bà Nh nhận 17.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà Nh 3.000.000 đồng;

- Dây hội ngày 25/5/2012 âm, loại hội 3.000.000 đồng, gồm có 34 phần, bà Nh tham gia góp 01 phần, số tiền vốn là 26.295.000 đồng, dây hội này đã mãn, số tiền bà Nh được lĩnh là 60.000.000 đồng, bà giao cho bà Nh nhận 45.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà Nh 15.000.000 đồng.

Nay bà không hẹn được thời gian, khi nào bà Y, ông T trả tiền hội chết cho bà thì bà trả cho bà Nh.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Phan Thị Nh giữ nguyên yêu cầu bà M, ông H phải trả cho bà số tiền hội còn nợ là 22.000.000 đồng, bà đồng ý trừ các khoảng tiền hoa hồng (*tiền cò*) của 03 dây hội là 2.500.000 đồng, còn lại 19.500.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Đồng bị đơn bà Tô Kim M, ông Lương Văn H vắng mặt lần hai không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về

thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Tô Kim M, ông Lương Văn H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị bị đơn cần rút kinh nghiệm.

Về quan điểm giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Nh tham gia góp hui do vợ chồng bà Tô Kim M, ông Lương Văn H làm chủ dây hui mở ngày 15/01/2012 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, gồm có 28 phần, bà Nh tham gia 01 phần, đóng hui sống được 25 lần, thì bà M tuyên bố úp hui, bà M giao cho bà Nh được 21.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng; dây hui mở ngày 25/5/2012 âm lịch, gồm có 33 phần, bà Nh tham gia 01 phần, đã đóng hui sống được 20 lần thì bà M úp hui, bà M giao cho bà Nh được 17.000.000 đồng, còn nợ lại 3.000.000 đồng; dây hui mở ngày 25/5/2012 âm lịch, loại hui 3.000.000 đồng, gồm có 34 phần, bà Nh tham gia 01 phần góp hui sống được 20 lần thì bà M úp hui, bà M giao bà Nh được 45.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Tổng 03 dây hui bà M, ông H còn nợ lại bà Nh số tiền là 22.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng thì bà M, ông H còn nợ bà Nh 19.500.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, buộc bà M, ông H trả cho bà Nh số tiền hui còn nợ là 19.500.000 đồng, buộc bà M, ông H chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị Nh khởi kiện yêu cầu bà Tô Kim M, ông Lương Văn H trả tiền hui còn nợ cho bà, được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay ông H và bà M cư trú tại xã Vân Khánh Đông, huyện AM, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho đồng bị đơn ông Lương Văn H, bà Tô Kim M biết và quy định thời gian cho ông H, bà M có ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng đã hết thời gian quy định ông H, bà M không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh. Tòa án tổ chức hòa giải đến lần thứ hai ông H, bà M cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông H, bà M, nhưng ông H, bà M

vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai bà Phan Thị Nh không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đồng bị đơn ông Lương Văn H, bà Tô Kim M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung: bà Phạm Thị Nh và bà Tô Kim M, ông Lương Văn H tham gia góp hội xác lập hợp đồng bằng lời nói, hội có lãi, có hoa hồng, sau khi thỏa thuận chủ hội bà M, ông H lập danh sách những người tham gia góp hội theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự (*Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005*) và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/ 2006/ NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về họ, hội, biểu, phường.

Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Nh khởi kiện đòi bà Tô Kim M, ông Lương Văn H trả tiền hội còn nợ là 22.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 19.500.000 đồng và lời khai bà Tô Kim M cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì bà M và ông H còn nợ bà Nh 22.000.000 đồng, chưa trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, bà M đồng ý trả số tiền nợ cho bà Nh nhưng bà không đưa được thời gian trả mà khi nào bà Y, ông T trả tiền hội cho bà thì bà trả cho bà Nh. Thấy rằng, đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị Nh yêu cầu bà Tô Kim M, ông Lương Văn H trả cho bà tiền hội còn nợ là 22.000.000 đồng, bà đồng ý trừ lại 2.500.000 đồng tiền hoa hồng (*tiền cò*) theo lời khai của bà Tô Kim M, nhưng bà M không đưa ra được thời gian trả, mà khi nào bà Y, ông T trả cho bà thì bà trả cho bà Nh là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 của Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hội, biểu, phường là giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ, nộp thay phần họ của thành viên trong trường hợp có thỏa thuận nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ. Do đó, nghị nên chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Nh và đề nghị của Kiểm sát viên, buộc bà Tô Kim M, ông Lương Văn H phải trả cho bà Nh số tiền hội là 19.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự (*Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005*); Điều 27, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hội, biểu, phường.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Buộc bà Tô Kim M, ông Lương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 975.000 đồng (*19.500.000 đồng x 5%*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nh số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng theo biên lai thu số 0000128 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

QUYẾT ĐỊNH:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nh, nếu ông H, bà M không thi hành hoặc thi hành án không đủ số tiền nêu trên cho bà Nh, thì hàng tháng bà M và ông H còn phải trả cho bà Nh một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bà Phạm Thị Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nh số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng theo biên lai thu số 0000128 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A M.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Lê Mỹ Huê**